

Số: /SGDĐT-TCHC

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2025

V/v đăng công thông tin và tham gia
ý kiến dự thảo Quyết định

Kính gửi:

- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ninh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ, Dân tộc và Tôn giáo;
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu;
- Các Trường có cấp THPT;
- Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên;
- Các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025; để đảm bảo quy trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo kính đề nghị các đơn vị đăng Công thông tin điện tử/tham gia ý kiến dự thảo Quyết định quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ninh đăng tải dự thảo Quyết định trên Công thông tin điện tử của tỉnh ít nhất 10 ngày kể từ ngày phát hành văn bản này để lấy ý kiến của người dân, cơ quan, tổ chức.

2. Các cơ quan, đơn vị tham gia, góp ý đối với hồ sơ dự thảo Quyết định gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được văn bản.

(Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc góp ý vào dự thảo và tổng hợp vào góp ý chung của đơn vị).

Nội dung tham gia ý kiến của các đơn vị gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh qua hệ thống chính quyền điện tử; đồng thời gửi bản word về địa chỉ hòm thư điện tử: phongkhtc.soquangninh@moet.edu.vn) để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Công thông tin Sở GDĐT;
- Lưu: VT, TCHC.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Đinh Ngọc Sơn

Số: /TTr-SGDĐT

Quảng Ninh, ngày tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị ban hành Quyết định quy định cụ thể địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Quyết định Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Tại Điểm a khoản 2 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định: “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.

- Tại điểm b, khoản 4, Điều 14 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ: Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm ban hành văn bản đề quy định:

+ Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày, trong đó quy định khoảng cách, địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá để xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách hỗ trợ căn cứ theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 và điều kiện thực tế của địa phương.

+ Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú căn cứ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.

Căn cứ các quy định trên, Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh là cần thiết, đảm bảo quy định.

2. Cơ sở thực tiễn

2.1. Đối với việc quy định địa bàn

a. Về đối tượng

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 các đối tượng là Học sinh bán trú bao gồm:

- Học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn;

+ Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông:

+ Người dân tộc thiểu số mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn;

+ Người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn;

+ Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn:

+ Là người dân tộc thiểu số;

+ Là người dân tộc Kinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ.”

Đối chiếu với các quy định về việc thực hiện chính sách hiện nay trên địa bàn tỉnh, tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 ; Nghị quyết số 248/2020/NQ-HĐND ngày 31/3/2020 ; Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 , các đối tượng được hưởng bán trú bao gồm:

- Học sinh đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông:

+ Học sinh tiểu học bán trú ngày mà bản thân và cha mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú ở đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Học sinh tiểu học đang học tại cơ sở giáo dục trên Đảo Trần, huyện Cô Tô;

+ Học sinh tiểu học mà bản thân và cha mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ là người dân Làng chài thuộc diện di dân từ Vịnh Hạ Long lên bờ sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại khu 8, phường Hà Phong, thành phố Hạ Long;

+ Học sinh tiểu học bán trú ngày đang học tại các trường, điểm trường thực hiện sắp xếp, dồn ghép nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo đề án, chương trình hành động, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này;

+ Học sinh tiểu học bán trú tuần mà bản thân và cha mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú ở đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn trên địa bàn tỉnh theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

+ Học sinh tiểu học bán trú tuần đang học tại các trường, điểm trường thực hiện sắp xếp, dồn ghép nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập theo đề án, chương trình hành động, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt; không thuộc đối tượng quy định tại điểm d khoản này;

+ Học sinh trung học cơ sở bán trú tuần mà bản thân và cha mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú ở các xã trên địa bàn tỉnh;

+ Học sinh trung học phổ thông bán trú tuần mà bản thân và cha mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú ở các xã trên địa bàn tỉnh.

- Học viên bán trú đảm bảo các điều kiện sau:

+ Trong độ tuổi học trung học phổ thông;

+ Tham gia học đồng thời chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông kết hợp với chương trình trung cấp.

Như vậy, đối chiếu với các quy định về đối tượng được hưởng chế độ bán trú tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thì các đối tượng đang được hưởng theo Nghị quyết của tỉnh đã bao gồm toàn bộ các đối tượng theo quy định của Trung ương.

b. Về quy định khoảng cách và địa bàn

Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 thì các đối tượng quy định khoảng cách và địa hình như sau:

- Học sinh tiểu học và học sinh trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở, hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá

- Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn, nhà ở xa nơi học tập từ 7 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông; hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá.

Đối chiếu với các quy định về việc thực hiện khoảng cách và địa hình hiện nay trên địa bàn tỉnh, tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 và Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 như sau:

+ Học sinh tiểu học bán trú ngày, bán trú tuần mà bản thân và cha mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú ở đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn; Học sinh tiểu học tại Đảo Trần, Cô Tô, Làng Chài; Học sinh trung học cơ sở và trung học phổ thông bán trú tuần mà bản thân và cha mẹ hoặc cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú ở các xã trên địa bàn tỉnh: nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

+ Đối với danh mục địa bàn địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá trên địa bàn tỉnh quy định tại Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 đã bao gồm các xã thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

Như vậy có thể thấy, địa bàn quy định tại các Nghị quyết của tỉnh đã bao gồm địa bàn quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP và khoảng cách quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh cũng đảm bảo bằng mức tối thiểu so với Nghị định và cùng đối tượng.

c. Như vậy việc quy định cụ thể về khoảng cách và địa bàn căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4, Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh Quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh: Nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học, từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở và từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

d. Quy định cụ thể địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá theo danh mục quy định tại Điều 2, Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐND ngày 31/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh và được sửa đổi theo tên địa giới hiện hành theo danh mục kèm theo Tờ trình này.

2.2. Đối với việc quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, căn cứ vào các danh mục theo khảo sát nhu cầu thực tế như đang trang cấp theo quy định tại Thông tư liên tịch 109, đề xuất như sau:

a. Học sinh dân tộc nội trú ở mỗi cấp học được cấp một lần bằng hiện vật: Chăn, màn, chiếu cá nhân, áo mưa hoặc ô, gối, chậu, phích nước, móc treo quần áo, xô nhựa, ca uống nước.

b. Mỗi năm học, học sinh được cấp áo khoác đồng phục kèm theo quần, 01 áo đồng phục mùa hè kèm theo quần và học phẩm khác theo nhu cầu của học sinh trong từng năm (vở, giấy, bút, cặp, tẩy, thước kẻ, bộ compa, thước đo độ).

Căn cứ các quy định trên, Sở Giáo dục và Đào tạo trình UBND tỉnh ban hành Quyết định của UBND tỉnh Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh là cần thiết, đảm bảo quy định.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích ban hành quyết định

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh để được hưởng chính sách quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP đảm bảo thực hiện đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện chính

sách đúng với quy định của pháp luật hiện hành và điều kiện thực tiễn của tỉnh. không trái với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo quyết định

Đảm bảo hợp hiến, hợp pháp, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành; nội dung đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Cụ thể hóa quy định của Chính phủ tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/03/2025.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có văn bản số 1265/SGDDĐT-TTr ngày 14/6/2025 gửi Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc rà soát lập danh mục văn bản được giao quy định chi tiết;

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 2855/QĐ-UBND ngày 21/7/2025 phê duyệt Danh mục quyết định của UBND tỉnh được văn bản quy phạm pháp luật Trung ương giao quy định chi tiết;

3. Ngày .../8/2025, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành Công văn số/SGDDĐT-KHTC về việc đề nghị đăng tải và xin ý kiến dự thảo quyết định của UBND tỉnh Quy định cụ thể địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh; đăng dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định lên trang thông tin điện tử của Sở.

4. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với dự thảo văn bản; hoàn thiện dự thảo văn bản; ban hành Công văn đề nghị Sở Tư pháp thẩm định hồ sơ trình dự thảo quyết định của UBND tỉnh Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh; đăng dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định lên trang thông tin điện tử của Sở;

5. Ngày .../.../2025, Sở Tư pháp đã ban hành Báo cáo số .../BC-STP báo cáo thẩm định dự thảo quyết định của UBND tỉnh Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh. Sở Giáo dục và Đào tạo đã tiếp thu, giải trình hoàn thiện dự thảo tại Báo cáo số/BC-SGDDĐT ngày .../.../2025. Trên cơ sở các nội dung góp ý, cơ quan chủ trì đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Quyết định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh.

IV. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định: Địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định địa

bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá không thể đi đến trường và trở về trong ngày để xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với học sinh, gồm:

a) Học sinh tiểu học và trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ.

b) Học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ.

c) Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ.

d) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ.

2. Đối với các trường phổ thông, gồm:

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.

b) Trường phổ thông dân tộc nội trú.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

1. Bố cục

- Căn cứ ban hành Quyết định

- Nội dung Quyết định: Gồm 06 Điều.

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

+ Điều 2. Đối tượng áp dụng

+ Điều 3. Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

+ Điều 4. Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú

+ Điều 5. Quyết định có hiệu lực

+ Điều 6. Thực hiện

2. Nội dung cơ bản của Quyết định

a. Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

- Khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

+ Nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.

+ Nhà ở xa trường từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

+ Nhà ở xa nơi học tập từ 7 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

b. Địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá

Chi tiết theo Phụ lục đính kèm.

b. Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú

- Học sinh dân tộc nội trú ở mỗi cấp học được cấp một lần bằng hiện vật: Chăn, màn, chiếu cá nhân, áo mưa hoặc ô, gối, chậu, phích nước, móc treo quần áo, xô nhựa, ca uống nước.

- Mỗi năm học, học sinh được cấp áo khoác đồng phục kèm theo quần, 01 áo đồng phục mùa hè kèm theo quần và học phẩm khác theo nhu cầu của học sinh trong từng năm (vở, giấy, bút, cặp, tẩy, thước kẻ, bộ compa, thước đo độ).

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo xin kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Quyết định; (2) Bản tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, đơn vị, cá nhân; (3) Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính;
- GD, các PGD;
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thuý

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2025/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày tháng 8 năm 2025

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định cụ thể địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số...../TTr-SGDĐT ngày.../5/2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định Quy định cụ thể địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày và danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định: Địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá không thể đi đến trường và trở về trong ngày để xác định học sinh, học viên được hưởng chính sách; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú theo quy định tại Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối với học sinh, gồm:

a) Học sinh tiểu học và trung học cơ sở đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ.

b) Học sinh trung học phổ thông đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ.

c) Học viên bán trú đang học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm

2025 của Chính phủ.

d) Học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2025 của Chính phủ.

2. Đối với các trường phổ thông, gồm:

a) Trường phổ thông dân tộc bán trú, cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.

b) Trường phổ thông dân tộc nội trú.

Điều 3. Quy định địa bàn, khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

1. Khoảng cách làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày

a) Nhà ở xa trường từ 4 km trở lên đối với học sinh tiểu học và từ 7 km trở lên đối với học sinh trung học cơ sở.

b) Nhà ở xa trường từ 10 km trở lên đối với học sinh trung học phổ thông.

c) Nhà ở xa nơi học tập từ 7 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, 10 km trở lên đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông.

2. Địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biên, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá

Chi tiết theo Phụ lục I kèm theo Quy định này.

Điều 4. Quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú

1. Học sinh dân tộc nội trú ở mỗi cấp học được cấp một lần bằng hiện vật: Chăn, màn, chiếu cá nhân, áo mưa hoặc ô, gối, chậu, phích nước, móc treo quần áo, xô nhựa, ca uống nước.

2. Mỗi năm học, học sinh được cấp áo khoác đồng phục kèm theo quần, 01 áo đồng phục mùa hè kèm theo quần và học phẩm khác theo nhu cầu của học sinh trong từng năm (vở, giấy, bút, cặp, tẩy, thước kẻ, bộ compa, thước đo độ).

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2025

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Giáo dục và đào tạo, Tài chính; Chủ tịch UBND xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Bộ GDĐT (b/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND cấp xã;
- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công TTĐT;
- Lưu: ...

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH